TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2019
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dễ
2. Bà Trần Thị Thanh Nhanh

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019; giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Bà Trương Thùy T; sinh năm 1984.(Có mặt)

HKTT: 155 Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm: 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: 155 Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2019 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thùy T trình bày:

Vào năm 2011, tôi và ông U kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống hạnh phúc đến tháng 09 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, từ đó ông U không còn quan tâm, thương yêu chăm lo cho gia đình.

Chúng tôi đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian chung sống, tôi và ông U có một người con chung tên Nguyễn Thị Hoài P sinh ngày 27/9/2012. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Nay bà Trương Thùy T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: xin ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

- Về con chung: Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hoài P đến khi thành niên, bà không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn U trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của bà T. Tôi và bà T kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Về con chung chúng tôi có một người con chung tên Nguyễn Thị Hoài P sinh ngày 27/9/2012. Hiện đang sống cùng bà T. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì bà T trình bày không đúng. Vào ngày mùng 04 tết nguyên đán năm 2014, tôi và bà T có về nhà ba mẹ ruột của bà T để đón tết, tôi có rủ bà T đi chợ Đồng Tháp chơi, nhưng bà T không đi nên tôi bức xúc đập nón bảo hiểm và ngày hôm sau tôi bỏ về nhà cha mẹ ruột tôi. Sau đó tôi và cha mẹ ruột của tôi có đến rước bà T, nhưng bà T không đồng ý về sống chung với tôi. Đối với tài sản chung, thì tôi và bà T có tài sản chung là 5,5 chỉ vàng 24k, hiện do bà T đang quản lý. Về nợ chung: Không có.

Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà T thì tôi không đồng ý. Về con chung, tôiyêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hoài P đến khi thành niên và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Vào năm 2011 bà T và ông U kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy việc chung sống của bà T và ông U có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Xét yêu cầu

ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy: Bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất hòa hay cự cãi, hai bên đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Tại phiên tòa, ông U cũng thừa nhận kể từ khi ly thân mặc dù đã được hàn gắn, nhưng bà T vẫn không chịu về chung sống với ông. Tòa án đã mời các bên đương sự tham dự phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn, nhưng nguyên đơn bà T vẫn kiên quyết ly hôn, nhận thấy hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông U.

[2] *Về con chung*: Bà T và ông U thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài P sinh ngày 27/9/2012. Hiện đang sống cùng bà T. Ông U cũng trình bày trong năm 2014 có đến thăm cháu P mấy lần, nhưng không gặp, từ năm 2015 trở đi không có đi thăm con do hoàn cảnh xa xôi. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Nhưng kể từ khi ly thân đến nay, cháu P đều do bà T nuôi dưỡng. Mặt khác bà T có cung cấp cho Tòa bảng lương hàng tháng và sự xác nhận của chính quyền địa P bà có nơi sinh sống ổn định đủ điều kiện chăm sóc cháu P. Do đó, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu P .Vì vậy, nhằm đảm bảo cho sự phát triển và ổn định của cháu P, HĐXX quyết định giao cháu P cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: tại phiên tòa bà T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà T và ông U thống nhất xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trương Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thùy T được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hoài P sinh ngày 27/9/2012 cho bà Trương Thùy T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Nguyễn Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông U mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4/ Về nợ chung: Không có; nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thùy T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Trương Thùy T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002181 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà T đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Văn U không phải chịu án phí.

6/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Tăng Triều Vũ Hà

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Đức.
- Lưu hồ sơ.